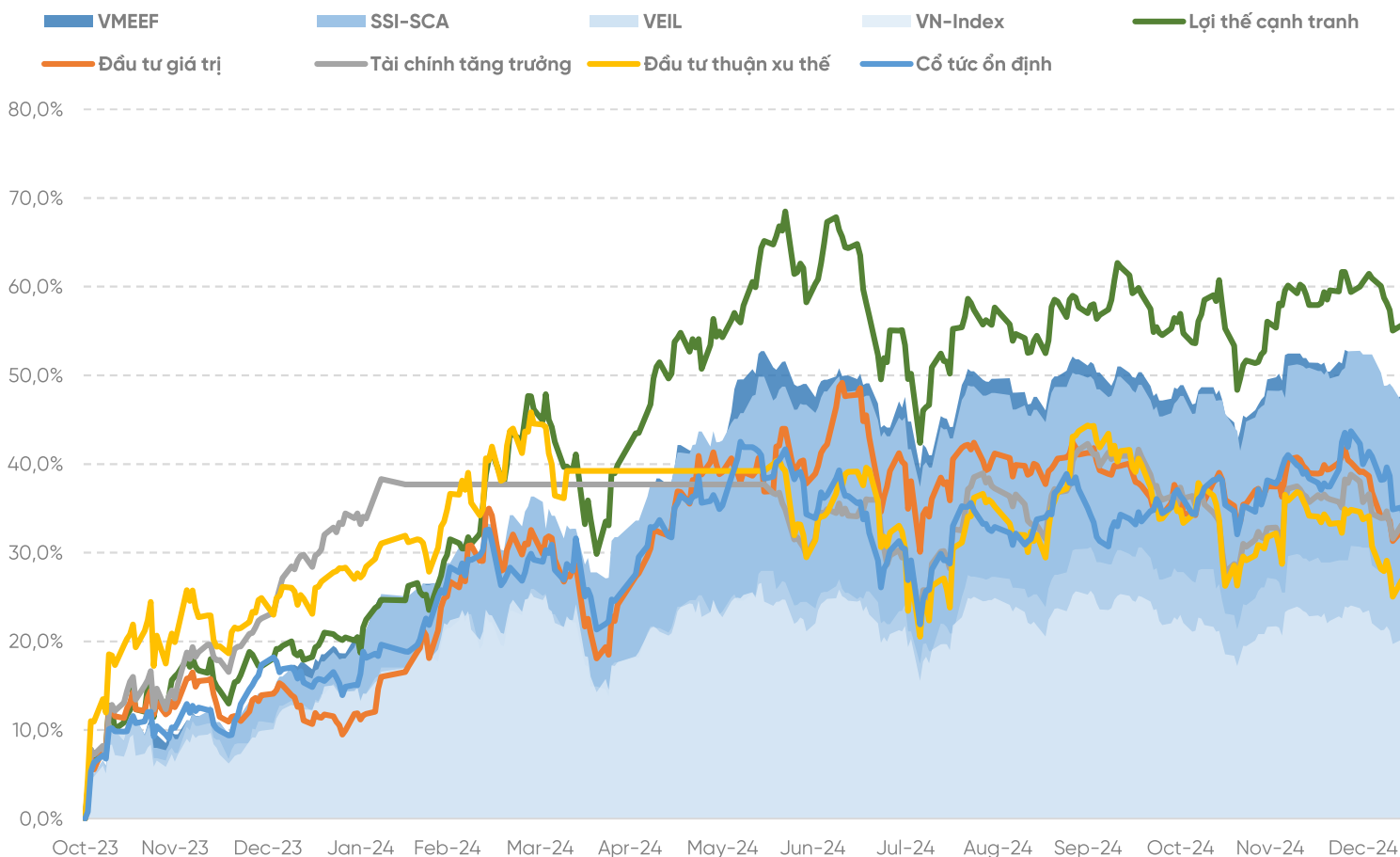


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DANH MỤC

Danh mục	1 tháng	3 tháng	YTD	1 năm	2 năm	Ngày bắt đầu	Upside	Khuyến nghị	Ngày kết thúc
Lợi thế cạnh tranh	-2,03%	-3,02%	-4,18%	27,87%	54,69%	31/10/2023	18,88%	NẮM GIỮ	-
Đầu tư giá trị	-4,82%	-4,15%	-4,62%	18,33%	32,23%	31/10/2023	26,65%	NẮM GIỮ	-
Tài chính tăng trưởng	-2,89%	-5,76%	-3,52%	-0,19%	31,76%	31/10/2023	22,89%	NẮM GIỮ	-
Đầu tư thuận xu thế	-5,98%	-9,30%	-5,95%	-0,67%	26,12%	31/10/2023	15,83%	NẮM GIỮ	-
Cổ tức ổn định	-3,76%	0,00%	-5,81%	15,28%	33,15%	31/10/2023	25,94%	NẮM GIỮ	-
Năng lượng	-4,95%	-5,91%	-4,25%	-5,91%	-5,91%	12/10/2024	28,91%	NẮM GIỮ	-
Nâng hạng thị trường	-3,98%	-4,27%	-3,71%	1,39%	1,39%	04/08/2024	-	NẮM GIỮ	-
Life portfolio	-3,48%	-2,97%	-3,64%	2,07%	2,07%	24/05/2024	-	MUA	-
VN-Index	-2,65%	-3,94%	-3,20%	4,03%	19,54%				

- Dữ liệu tính đến ngày 14/01/2025.
- Dữ liệu phản ánh lợi suất sinh lời trong quá khứ của danh mục, không phải là chỉ báo đáng tin cậy về hiệu suất sinh lời trong tương lai. Tỷ suất sinh lời được xác định dựa trên chênh lệch giá và gắn với tỷ trọng của từng mã cổ phiếu trong danh mục, không loại trừ thuế và các chi phí khác.

SO SÁNH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC DANH MỤC & VN-INDEX



CƠ CẤU DANH MỤC

LỢI THẾ CẠNH TRANH | Upside 19%

Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
PVT	VND 25.950	VND 32.350	24,7%	10%
DGW	VND 37.450	VND 48.500	29,5%	30%
FPT	VND 145.100	VND 146.200	0,8%	25%
VCB	VND 91.700	VND 103.600	13,0%	15%
CTR	VND 125.300	VND 148.500	18,5%	20%

TÀI CHÍNH TĂNG TRƯỞNG | Upside 23%

Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
BID	VND 39.000	VND 48.500	24,4%	15%
VCB	VND 91.700	VND 103.600	13,0%	15%
CTG	VND 36.950	VND 40.800	10,4%	20%
VCI	VND 31.850	VND 37.300	17,1%	20%
SSI	VND 23.950	VND 31.200	30,3%	30%

CỔ TỨC ỔN ĐỊNH | Upside 26%

Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
BMP	VND 124.000	VND 135.200	9,0%	20%
DPM	VND 34.000	VND 39.200	15,3%	25%
VCS	VND 59.500	VND 78.500	31,9%	15%
SCS	VND 78.000	VND 94.500	21,2%	20%
GMD	VND 60.000	VND 73.800	23,0%	20%

LIFE PORTFOLIO

Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
GAS	VND 78.600	-	-	8%
VPB	VND 19.150	-	-	8%
FPT	VND 138.700	-	-	16%
VCB	VND 88.000	-	-	15%
PNJ	VND 95.000	-	-	10%
REE	VND 65.200	-	-	10%
HPG	VND 28.650	-	-	15%
SSI	VND 34.650	-	-	8%
MWG	VND 65.600	-	-	10%

ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ | Upside 27%

Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
REE	VND 65.400	VND 72.800	11,3%	25%
DGC	VND 108.900	VND 135.200	24,2%	30%
GAS	VND 66.900	VND 85.000	27,1%	10%
VNM	VND 61.600	VND 76.200	23,7%	10%
DCM	VND 33.600	VND 42.500	26,5%	25%

ĐẦU TƯ THUẬN XU THẾ | Upside 16%

Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
MBB	VND 21.300	VND 23.500	10,3%	15%
HPG	VND 25.850	VND 28.200	9,1%	15%
NKG	VND 13.250	VND 17.500	32,1%	20%
HCM	VND 27.550	VND 32.100	16,5%	20%
MBS	VND 26.600	VND 29.500	10,9%	30%

NĂNG LƯỢNG | Upside 29%

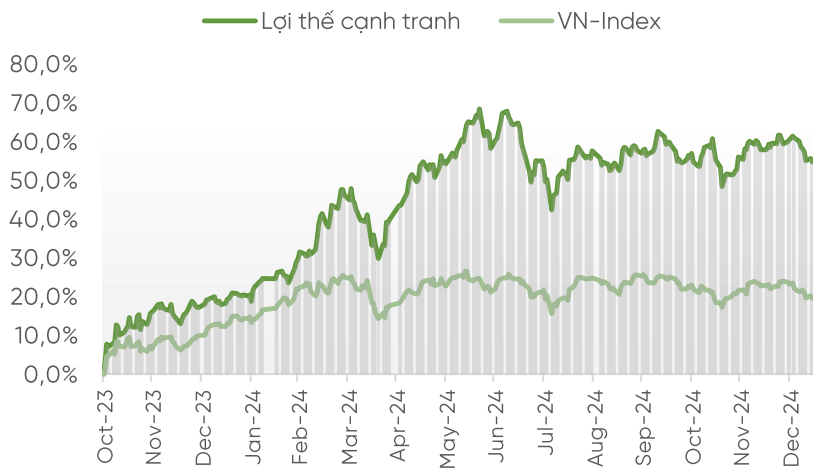
Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
GAS	VND 66.900	VND 83.500	24,8%	10%
PVS	VND 32.100	VND 48.000	49,5%	20%
REE	VND 65.400	VND 73.400	12,2%	30%
HDG	VND 27.000	VND 32.500	20,4%	20%
PC1	VND 21.650	VND 29.600	36,7%	20%

NĂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG

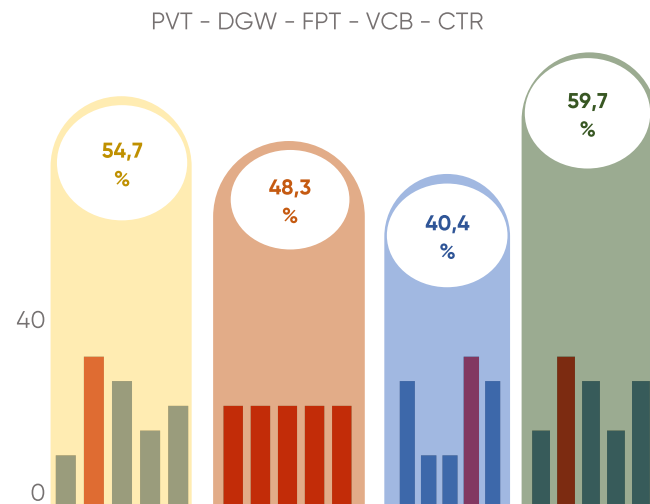
Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
FPT	VND 113.800	-	-	15%
VCB	VND 94.500	-	-	20%
HPG	VND 29.650	-	-	20%
VNM	VND 66.800	-	-	15%
VIC	VND 48.500	-	-	15%
MSN	VND 72.500	-	-	15%

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

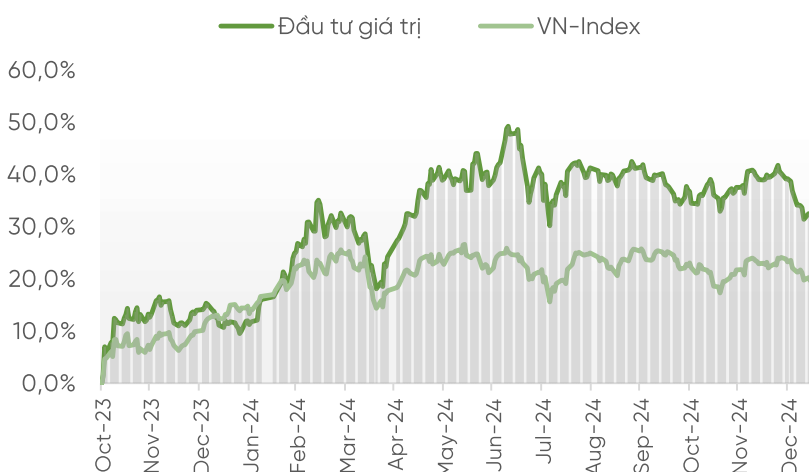


THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

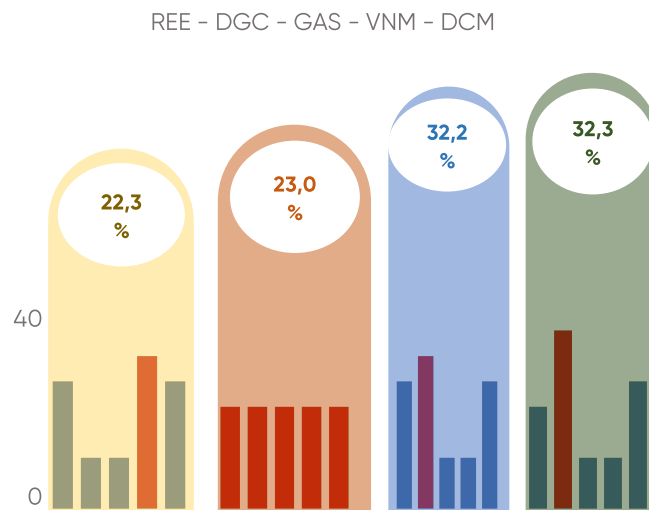
Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
PVT	10%	VND 32.350	<ul style="list-style-type: none"> Ước KQKD 2024: Tổng Doanh thu 12.000 tỷ đồng, LNTT 1.800 tỷ đồng, +26% n/n và +16% n/n. PVT hiện sở hữu đội tàu lên đến 58 chiếc với tổng trọng tải hơn 1,6 triệu DWT, trong đó hơn 85% hoạt động trên các tuyến vận tải quốc tế. PVT đặt mục tiêu đạt 85 tàu với tổng tải trọng 2,5 triệu DWT vào cuối năm 2025.
DGW	30%	VND 48.500	
FPT	25%	VND 146.200	<ul style="list-style-type: none"> KQKD 11T2024: Doanh thu 56.404 tỷ đồng, +~20% n/n, lãi ròng 7.302 tỷ đồng, +21% n/n.
VCB	15%	VND 103.600	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến đến cuối FY2024, tăng trưởng tín dụng 13%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát <1%.
CTR	20%	VND 148.500	<ul style="list-style-type: none"> KQKD 11T2024: Doanh thu 11.685 tỷ đồng, +12% n/n, LNTT 609 tỷ đồng, +2% n/n.

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

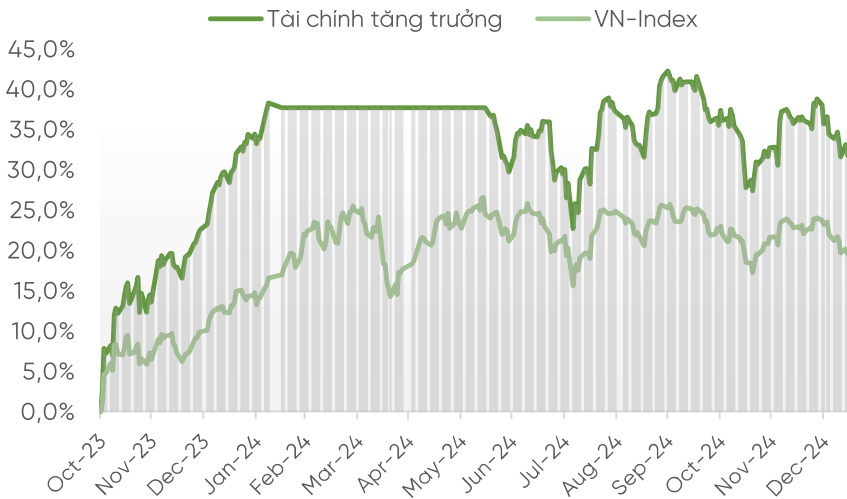


THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

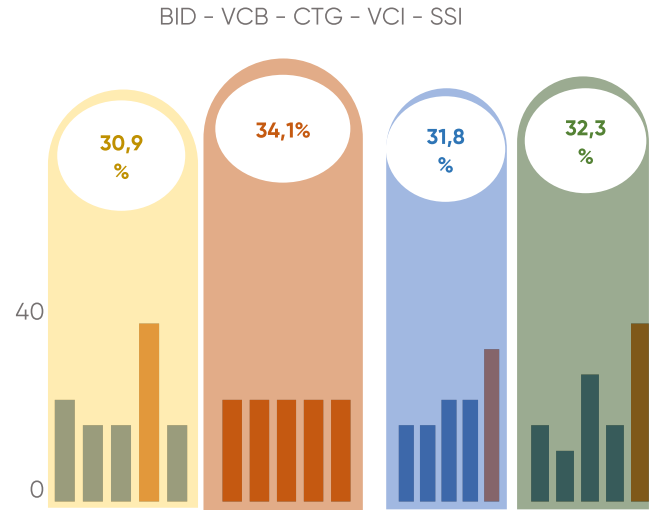
Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
REE	25%	VND 72.800	
DGC	30%	VND 135.200	
GAS	10%	VND 85.000	<ul style="list-style-type: none"> Ước tính doanh thu hợp nhất FY2024 ~105 nghìn tỷ đồng, +14% n/n, LNTT >13 nghìn tỷ đồng.
VNM	10%	VND 76.200	<ul style="list-style-type: none"> Đưa vào hoạt động nhà máy Vinabeef tại Tam Đảo, công suất 10.000 tấn/năm. Ngừng liên doanh với đối tác De Monte Philippines. Công ty vẫn tiếp tục xuất khẩu tại thị trường Philippines.
DCM	25%	VND 42.500	<ul style="list-style-type: none"> Ước KQKD 2024: Doanh thu 13.661 tỷ đồng, +5% n/n, LNTT 1.270 tỷ đồng, +1% n/n. Điều chỉnh KHKD 2024: Doanh thu 13.605 tỷ đồng, LNTT 1.222 tỷ đồng, tăng tương ứng 15% và 45% so với kế hoạch ban đầu.

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

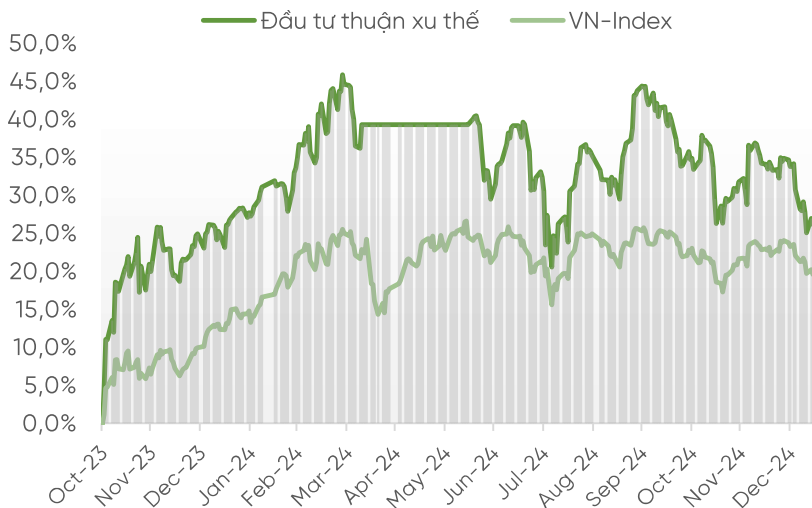


THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC (Cơ cấu kỳ 06.2024)

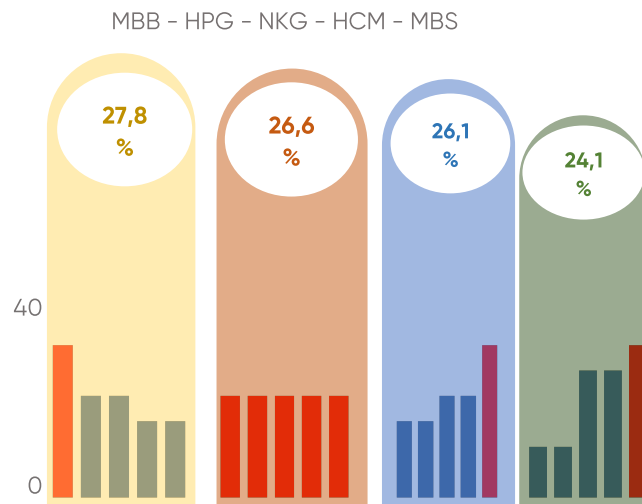
Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
BID	15%	VND 48.500	<ul style="list-style-type: none"> KQKD 2024: LNTT riêng lẻ 2024 đạt 30.006 tỷ đồng, +12,4% n/n. Tăng trưởng dư nợ tín dụng đạt 15,3%. Tỷ lệ nợ xấu 1,3%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 133%. Đã phân phối xong hơn 1,19 tỷ CP cho 35.101 cổ đông. Số CP lẻ còn lại sẽ bị hủy bỏ.
VCB	15%	VND 103.600	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến đến cuối FY2024, tăng trưởng tín dụng 13%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát <1%.
CTG	20%	VND 40.800	<ul style="list-style-type: none"> Tính đến cuối T11/2024, tổng tài sản ước >2,3 triệu tỷ đồng, +14,7% n/n. Tỷ lệ nợ xấu 1,1%. Tín dụng tăng trưởng 16,88%. Doanh thu tăng trưởng tích cực, LN vượt kế hoạch. Năm 2024, NH đạt kế hoạch LNTT NH mẹ 26.300 tỷ đồng.
VCI	20%	VND 37.300	
SSI	30%	VND 31.200	

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

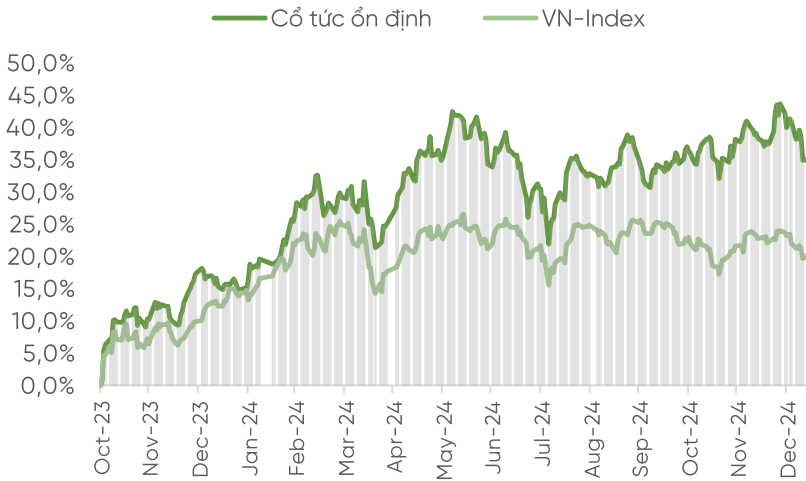


THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC (Cơ cấu kỳ 06.2024)

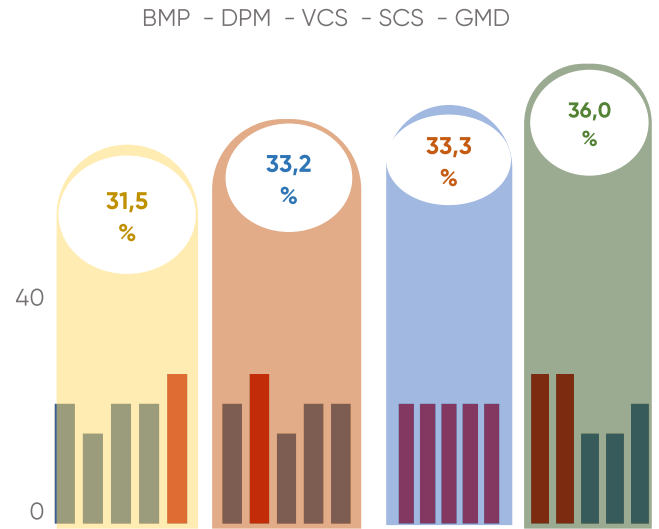
Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
MBB	15%	VND 23.500	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 7/1/2025: Ngày GDKHQ nhận cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 15%. Tính đến cuối năm 2024, ước tính lợi nhuận tăng 12% n/n lên 27.600 tỷ đồng. Tổng tài sản ước đạt 1 triệu tỷ đồng, tăng hơn 18% so với đầu năm. Tăng trưởng tín dụng đạt 25%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 112%.
HPG	15%	VND 28.200	<ul style="list-style-type: none"> Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Dung Quất 2 chạy thử phân kỳ 1 từ đầu Q1 2025. Phân kỳ 2 dự kiến vào cuối năm 2025. Đang thực hiện các thủ tục đầu tư để phát triển thêm 3 KCN trong thời gian tới. Hiện tại, tổng quỹ đất KCN HPG được quy hoạch hiện đạt hơn 1.133ha, tập trung tại Hưng Yên & Hà Nam với KCN Phố Nối A & KCN Yên Mỹ II mở rộng.
NKG	20%	VND 17.500	
HCM	20%	VND 32.100	
MBS	30%	VND 29.500	

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



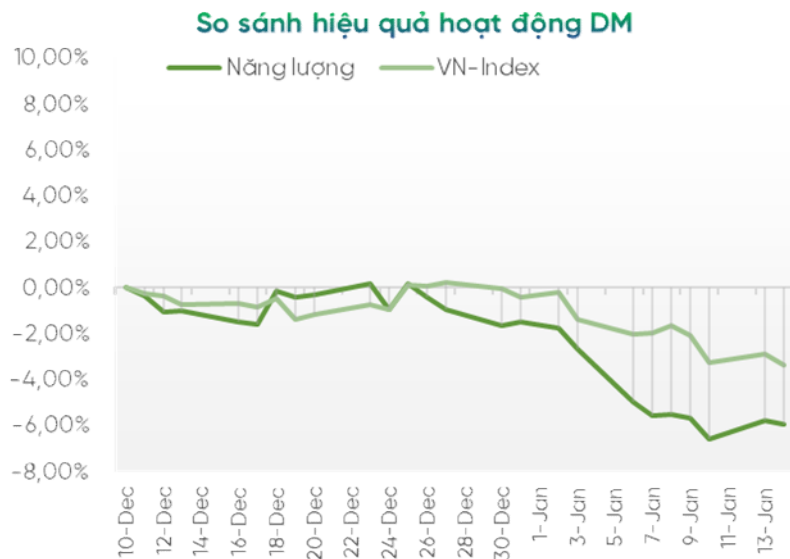
Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP



THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

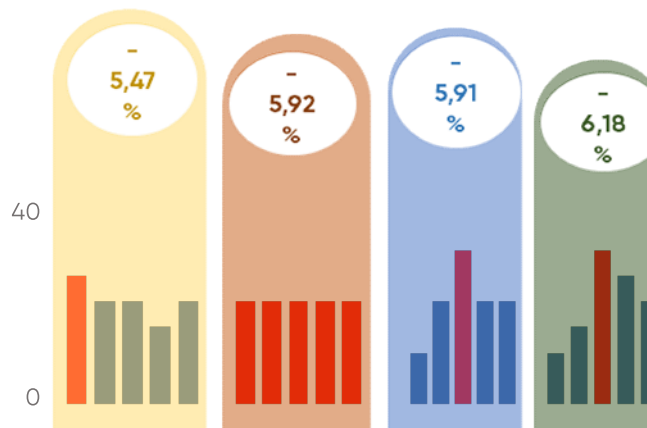
Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
BMP	20%	VND 135.200	
DPM	25%	VND 39.200	
VCS	15%	VND 78.500	
SCS	20%	VND 94.500	<ul style="list-style-type: none"> Sản lượng 11T2024 đạt 241.171 tấn hàng hóa thông qua, +42% n/n.
GMD	20%	VND 73.800	

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

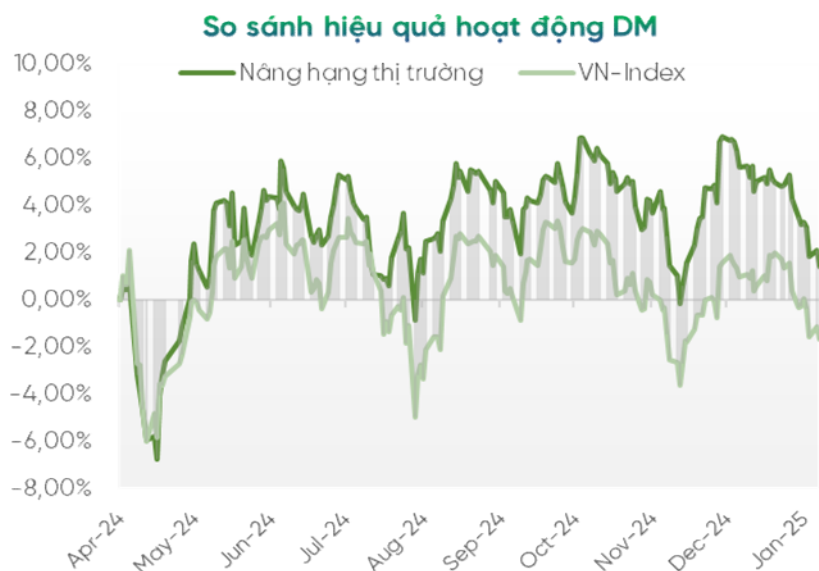
GAS - PVS - REE - HDG - PC1



THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

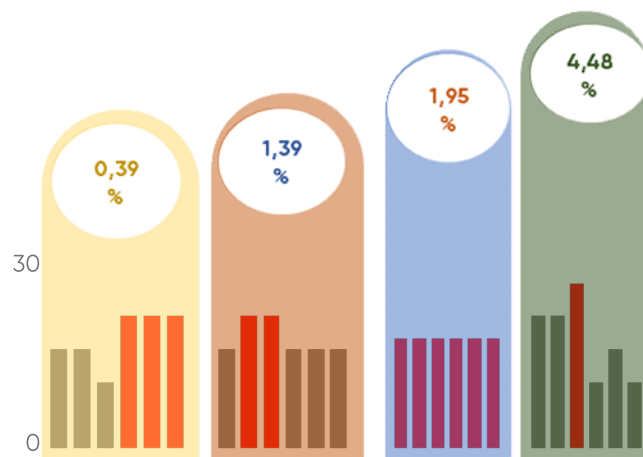
Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
GAS	10%	VND 83.500	<ul style="list-style-type: none"> Ước tính doanh thu hợp nhất FY2024 ~105 nghìn tỷ đồng, +14% n/n, LNTT >13 nghìn tỷ đồng.
PVS	20%	VND 48.000	<ul style="list-style-type: none"> Ước KQKD 2024: Tổng doanh thu 13.661 tỷ đồng, +24% n/n, LNTT 1.100 tỷ đồng, -14% n/n.
REE	30%	VND 73.400	
HDG	20%	VND 32.500	
PC1	20%	VND 29.600	

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

FPT - VCB - HPG - VNM - VIC - MSN

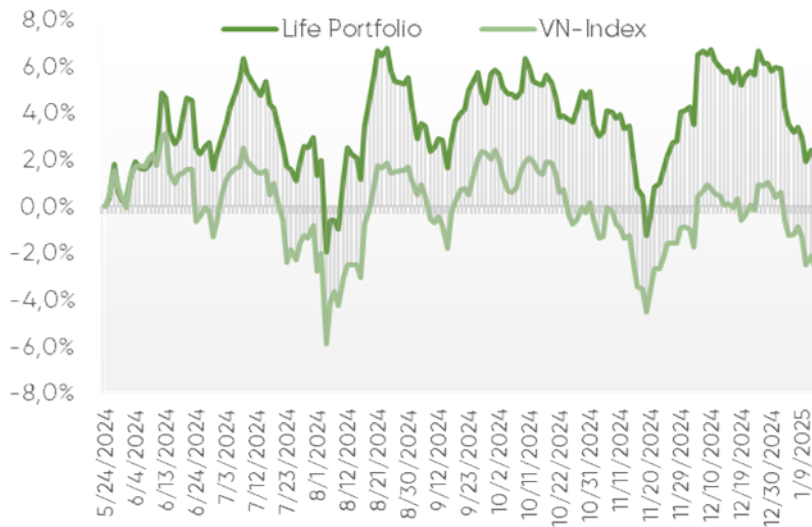


THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

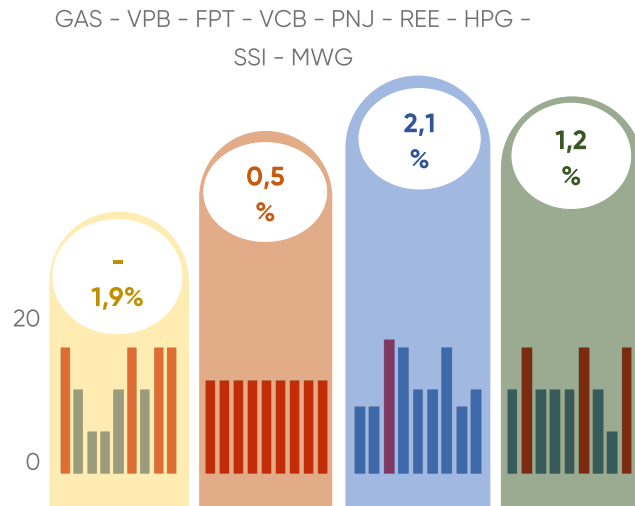
Mã CP	Ngành	Tỷ trọng	Tiêu điểm đầu tư
FPT	CNTT	15%	<ul style="list-style-type: none"> KQKD 11T2024: Doanh thu 56.404 tỷ đồng, +~20% n/n, lãi ròng 7.302 tỷ đồng, +21% n/n.
VCB	Ngân hàng	20%	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến đến cuối FY2024, tăng trưởng tín dụng 13%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát <1%.
HPG	XD & VLXD	20%	<ul style="list-style-type: none"> Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Dung Quất 2 chạy thử phân kỳ 1 từ đầu Q1 2025. Phân kỳ 2 dự kiến vào cuối năm 2025. Đang thực hiện các thủ tục đầu tư để phát triển thêm 3 KCN. Hiện tại, tổng quỹ đất KCN HPG được quy hoạch hiện đạt hơn 1.133ha, tập trung tại Hưng Yên & Hà Nam với KCN Phố Nối A & KCN Yên Mỹ II mở rộng.
VNM	Thực phẩm	15%	
VIC	Bất động sản	15%	<ul style="list-style-type: none"> VHM: Huy động thành công 4.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ kỳ hạn 36 tháng. Vinpearl: Chào bán hơn 70 triệu CP ra công chúng với giá 71.350 đồng/CP, tỷ lệ 1000:40,673.
MSN	Thực phẩm	15%	

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP



THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

Mã CP	Tỷ trọng	Tiêu điểm đầu tư
GAS	8%	<ul style="list-style-type: none"> Ước tính doanh thu hợp nhất FY2024 ~105 nghìn tỷ đồng, +14% n/n, LNTT >13 nghìn tỷ đồng.
VPB	8%	
FPT	16%	<ul style="list-style-type: none"> KQKD 11T2024: Doanh thu 56.404 tỷ đồng, +~20% n/n, lãi ròng 7.302 tỷ đồng, +21% n/n.
VCB	15%	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến đến cuối FY2024, tăng trưởng tín dụng 13%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát <1%.
PNJ	10%	<ul style="list-style-type: none"> KQKD 11T2024: Doanh thu 35.210 tỷ đồng, +19,4% n/n, LNST 1.876 tỷ đồng, +8,3% n/n.

THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

Mã CP	Tỷ trọng	Tiêu điểm đầu tư
REE	10%	
HPG	15%	<ul style="list-style-type: none"> Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Dung Quất 2 chạy thử phân kỳ 1 từ đầu Q1 2025. Phân kỳ 2 dự kiến vào cuối năm 2025. Đang thực hiện các thủ tục đầu tư để phát triển thêm 3 KCN. Hiện tại, tổng quỹ đất KCN HPG được quy hoạch hiện đạt hơn 1.133ha, tập trung tại Hưng Yên & Hà Nam với KCN Phố Nối A & KCN Yên Mỹ II mở rộng.
SSI	8%	
MWG	10%	<ul style="list-style-type: none"> Ký kết hợp tác chiến lược với Xiaomi: sẽ bán thêm các thiết bị IoT, điện máy & xe điện trong tương lai.

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của VPBankS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Tỷ lệ (Giá mục tiêu - Giá hiện tại) / Giá hiện tại
MUA	>= 20% (DM trung/dài hạn), >= 10% (DM ngắn hạn)
TĂNG TỶ TRỌNG	10% - < 20%
THEO DÕI	< 10%

Email:

Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.